

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 06/01/2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Sương**.

Bà **Trần Thu Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Nguyễn Văn R, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

Địa chỉ liên lạc: Số A, đường N, phường B, thị xã G, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường số C, khu phố D, phường E, quận F, thành phố H theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2020.

* Bị đơn:

- **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1960.

- **Lưu Thị T**, sinh năm 1960.

- **Huỳnh Thị Ngọc L**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị H có mặt, ông C, bà T, chị L có mặt, anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị H trình bày:

Trước đây ông Nguyễn Văn R có cho gia đình ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T và con gái là Huỳnh Thị Ngọc L cùng địa chỉ ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T vay tổng số tiền là 5.743.836.000 đồng, cụ thể các khoản vay như sau:

+ Căn cứ 01 giấy xác nhận vay tiền ngày 05/8/2020 và 02 giấy giao nhận tiền ngày 28/9/2016 và ngày 18/5/2017. Ông Huỳnh Văn C và bà Lưu Thị T vay của ông R tổng số tiền là 3.834.699.906 đồng, cụ thể qua hai lần vay như sau:

Lần 01: Vào ngày 28/9/2016, ông R đã cho ông C và bà T vay số tiền 91.775.000 đồng, khoản vay này hai bên thỏa thuận không tính lãi, ông C và bà T cam kết đến ngày 28/10/2016 ông C, bà T sẽ trả cho ông R đủ số tiền 91.775.000 đồng nhưng ông C, bà T đã không trả như cam kết.

Lần 02: Vào ngày 18/5/2017, ông C và bà T vay của ông R số tiền 3.742.924.906 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 0,75%/tháng. Khoản vay này có con ông C, bà T là anh Huỳnh Văn K bảo lãnh. Ông C, bà T cam kết chậm nhất đến ngày 11/8/2017 phải trả trước cho ông R số tiền là 200.000.000 đồng, chậm nhất đến ngày 11/9/2017 trả tiếp cho ông R số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại trả dần trong các tháng tiếp theo nhưng đến ngày 11/8/2017 ông C, bà T cũng không trả như cam kết. Đối với số tiền 3.742.924.906 đồng thì ông C, bà T cũng không trả bất kỳ khoản lãi nào.

Ngày 05/8/2020 ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T và anh Huỳnh Văn K có làm giấy xác nhận hiện tại vẫn còn đang nợ ông R tổng số tiền gốc qua hai lần vay là 3.834.699.906, đồng thời cam kết đến ngày 05/9/2020 phải trả cho ông R số tiền 200.000.000 đồng trên tổng số nợ là 3.834.699.906 đồng, nếu đến ngày 05/9/2020 không thực hiện như cam kết không trả cho ông R số tiền 200.000.000 đồng với bất kỳ lý do nào thì ông R được quyền khởi kiện ra Tòa án buộc phải trả tổng số nợ gốc là 3.834.699.906 đồng và khoản lãi 0,75%/tháng trên số tiền là 3.742.924.906 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 11/8/2017 cho đến nay, khoản tiền lãi 1,0%/tháng trên số tiền 91.775.000 đồng. Thời gian tính lãi từ ngày 28/10/2016 cho đến nay.

Tính đến nay thì ông C, bà T, anh K vẫn không thực hiện đúng cam kết trả nợ, không trả bất kỳ khoản tiền nào kể cả gốc và lãi của số tiền nợ 3.834.699.906 đồng.

+ Căn cứ giấy xác nhận vay tiền ngày 05/8/2020 và 01 giấy giao nhận tiền ngày 28/9/2016 thì ông R có cho bà Huỳnh Thị Ngọc L vay số tiền là 3.059.136.094 đồng. Tháng 06/2018 bà L có trả cho ông R được 1.150.000.000 đồng, số tiền còn lại bà L còn thiếu là 1.909.136.094 đồng, bà L cam kết trả vào ngày 28/7/2018 nhưng bà L vẫn chưa trả nên đến ngày 05/8/2020 bà L có làm giấy xác nhận còn nợ ông R số tiền là 1.909.136.094 đồng và cam kết đến ngày

05/9/2020 sẽ phải trả trước cho ông R số tiền 200.000.000 đồng, nếu đến ngày 05/9/2020 bà L không thực hiện vì bất kỳ lý do gì thì ông R có quyền khởi kiện bà L ra Tòa án buộc bà L phải trả đủ số tiền 1.909.136.094 đồng và phải chịu lãi suất 1%/tháng trên số nợ 1.909.136.094 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 28/7/2018. Khoản vay này có ông C, bà T cùng bảo lãnh trả nợ cho chị L. Nhưng đến nay chị L vẫn không trả nợ như cam kết, không trả bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào của số tiền vay 1.909.136.094 đồng.

Nay ông R khởi kiện yêu cầu:

+ Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T liên đới trả cho ông R số tiền là 91.775.000 đồng, không yêu cầu tính lãi số tiền này.

+ Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, anh Huỳnh Văn K liên đới trả cho ông R số tiền vốn 3.742.924.906 đồng và lãi tính từ ngày 12/8/2017 là ngày các bên thống nhất tính lãi đến tháng 10/2020 là 38 tháng với số tiền lãi là 1.066.733.598 đồng nay ý kiến cho giảm số tiền lãi nên số tiền lãi chỉ yêu cầu là 500.000.000 đồng.

+ Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, anh Huỳnh Văn K và chị Huỳnh Thị Ngọc L liên đới trả cho ông R số tiền vốn là 1.909.136.094 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày hai bên thỏa thuận là ngày 29/7/2018 đến tháng 10/2020 là 27 tháng với số tiền là 515.466.745 đồng, nay đồng ý cho giảm lãi nên chỉ yêu cầu trả lãi là 300.000.000 đồng.

Yêu cầu trả vốn và lãi một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn Huỳnh Văn C, Lưu Thị T, Huỳnh Thị Ngọc L trình bày:

Ông C, bà T, chị L không có vay tiền của ông Nguyễn Văn R như ông R trình bày, mà số tiền ông R khởi kiện là số tiền nợ thức ăn nuôi tôm, do ông R là đại lý cấp 1, còn ông C và bà T là đại lý cấp 2. Quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm thì ông C, bà T và chị L còn nợ tiền của ông Nguyễn Văn R cụ thể là:

Chị Huỳnh Thị Ngọc L còn nợ ông Nguyễn Văn R số tiền 1.909.136.094 đồng.

Ông Huỳnh Văn C và bà Lưu Thị T còn nợ ông Nguyễn Văn R số tiền 3.834.699.906 đồng.

Giấy giao nhận tiền ngày 28/9/2016 do ông R soạn thảo và chị L có ký tên xác nhận vào giấy giao nhận tiền này.

Giấy giao nhận tiền ngày 18/5/2017 do ông R soạn thảo và ông C có ký tên xác nhận vào giấy giao nhận tiền này.

Giấy xác nhận vay tiền ngày 05/8/2020 số tiền nợ 3.834.699.906 đồng do ông R soạn thảo và ông C, bà T có ký tên vào chỗ bên vay, anh K có ký tên vào chỗ bên bảo lãnh.

Giấy xác nhận vay tiền ngày 05/8/2020 số tiền nợ 1.909.136.094 đồng do ông R soạn thảo và chị L có ký tên vào bên vay, còn ông C, bà T, anh K ký tên vào chỗ bên bảo lãnh.

Ông C, bà T, chị L xác nhận chữ ký trong các giấy giao nhận tiền, giấy xác nhận vay tiền mà ông R nộp tại Tòa án là chữ ký của ông C, bà T, chị L và anh K. Tuy nhiên số tiền còn nợ này ông C, bà T, chị L xác nhận là tiền nợ ông R trong quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm chứ không phải tiền vay.

Nay chị L thống nhất còn nợ ông R số tiền 1.909.136.094 đồng, chị L đồng ý cùng ông C, bà T liên đới trả số tiền 1.909.136.094 đồng cho ông R nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin ông R cho trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng, xin không trả lãi.

Ông C, bà T thống nhất nợ ông R số tiền 3.834.699.906 đồng, ông C và bà T đồng ý cùng chị L liên đới trả số tiền này cho ông R nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần số tiền này mỗi năm là 150.000.000 đồng, trả cho đến khi nào trả hết số nợ này, xin không trả lãi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn K trình bày:

Anh K thống nhất lời trình bày của ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, chị Huỳnh Thị Ngọc L. Do điều kiện khó khăn nên không có khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Văn R có chị H vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như nêu trên.

Bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, chị Huỳnh Thị Ngọc L thống nhất số tiền còn nợ nhưng xin trả dần do hoàn cảnh khó khăn, xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn K vắng mặt, có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn R và ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, chị Huỳnh Thị Ngọc L, anh Huỳnh Văn K là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông R có chị H đại diện theo ủy quyền yêu cầu:

+ Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T liên đới trả cho ông R số tiền là 91.775.000 đồng, không yêu cầu tính lãi số tiền này.

+ Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, anh Huỳnh Văn K liên đới trả cho ông R số tiền vốn 3.742.924.906 đồng và lãi tính từ ngày 12/8/2017 là ngày các bên thống nhất tính lãi đến tháng 10/2020 là 38 tháng với số tiền lãi là 1.066.733.598 đồng nay ý kiến cho giảm số tiền lãi nên số tiền lãi chỉ yêu cầu là 500.000.000 đồng.

+ Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, anh Huỳnh Văn K và bà Huỳnh Thị Ngọc liên đới trả cho ông R số tiền vốn là 1.909.136.094 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày hai bên thỏa thuận là ngày 29/7/2018 đến tháng 10/2020 là 27 tháng với số tiền là 515.466.745 đồng, nay đồng ý cho giảm lãi nên chỉ yêu cầu trả lãi là 300.000.000 đồng.

Yêu cầu trả vốn và lãi một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét các yêu cầu trên của ông R có chị H đại diện trình bày là có cơ sở bởi lẽ giữa ông R và ông C, bà T, chị L, anh K có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là: “Các Giấy giao nhận tiền ngày 28/9/2016, các Giấy xác nhận vay tiền ngày 05/8/2020”, trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện thì ông C, bà T, chị L và anh K đều thống nhất thừa nhận các khoản nợ này, tuy nhiên thì ông C, bà T, chị L và anh K cho rằng đây là tiền mua bán thức ăn chứ không phải tiền vay,

đồng thời do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần và xin không trả lãi. Phía bị đơn và người liên quan không có chứng cứ gì chứng minh đây là tiền mua bán thức ăn và lời trình bày này không được phía nguyên đơn thừa nhận. Đồng thời, việc xin trả dần của ông C, bà T, chị L và anh K là kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho ông R.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông C, bà T, chị L, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R.

- Buộc ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền là 91.775.000 đồng (Chín mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Buộc Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, anh Huỳnh Văn K liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R tổng số tiền là 4.242.924.906 đồng (Bốn tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm lẻ sáu đồng).

- Buộc Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T, anh Huỳnh Văn K và chị Huỳnh Thị Ngọc L liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền là 2.209.136.094 đồng (Hai tỷ, hai trăm lẻ chín triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm chín mươi bốn đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông R cho đến khi thi hành án xong, ông C, bà T, chị L, anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Ông Huỳnh Văn C, bà Lưu Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

+ Anh Huỳnh Văn K phải chịu số tiền 56.460.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu số tiền 19.046.000 đồng (Mười chín triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn R số tiền tạm ứng án phí 57.663.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0016936 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm, đối với anh K vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày anh K nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

Về nội dung: Tại phiên tòa, chị Huyền xin ly hôn, nguyên nhân do anh Tiến có nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, anh Tiến bảo chị nghỉ việc ở Sài Gòn về quê bên nhà của anh Tiến để làm, anh Tiến bỏ chị ra ngoài sống riêng 02 lần, không cần sự đồng ý của chị. Ngoài ra, chị và anh Tiến hay cãi vã, gây gổ về vấn đề tiền bạc. Từ tháng 10/2016 đến nay anh Tiến đã bỏ chị về sống với cha mẹ anh, không còn quan tâm gì đến chị nữa nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, chị và anh Tiến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tiến. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Tiến thừa nhận mâu thuẫn chị Huyền trình bày là có nhưng do vợ cố chấp, vợ tự động bắt con đi mà không hỏi ý kiến của ai, anh bỏ đi 03 lần là để vợ nhận ra cái sai của mình.

Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn

trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày là có nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm, trong thời gian ly thân cũng như trong thời gian Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh cũng không chủ động hàn gắn với chị Huyền. Hơn nữa, trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng không có kết quả. Anh Tiến không đồng ý ly hôn, anh đưa ra thời gian để hàn gắn đến cuối năm 2017 nhưng với điều kiện chị Huyền thay đổi thì anh sẽ thay đổi. Lời trình bày nêu trên cho thấy anh Tiến cho thấy anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huyền yêu cầu ly hôn với anh Tiến là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống với anh Tiến, ông Tửu, bà Nga. Ly hôn, chị Huyền yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chi; không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con. Anh Tiến cũng yêu cầu được nuôi cháu Chi; không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Huyền là có cơ sở bởi cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 đến nay cháu mới hơn 02 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Mặt khác, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi của anh chị cũng như có xem xét đến hoàn cảnh, môi trường sống của cháu Chi để xét yêu cầu nuôi con của anh Tiến, chị Huyền. Từ nhận định nêu trên, cần giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, cháu Quỳnh Chi hiện đang sống với anh Tiến, vì công việc nên ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga là ông bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu Quỳnh Chi được giao cho chị Huyền nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử cần buộc anh Tiến, ông Tửu, bà Nga giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Huyền không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày, anh xin đến cuối năm 2017 sẽ đoàn tụ nhưng chị Huyền cũng phải sửa đổi thì anh sẽ sửa đổi để hàn gắn như vậy, anh Tiến không có thiện chí trong việc vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền. Về con chung, chị Huyền tha thiết được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, chị có đủ điều kiện để được nuôi cháu Chi tốt nhất, hiện chị đang công tác tại Chi cục thuế quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập và nơi ở ổn định, hơn nữa cháu Quỳnh Chi, sinh ngày

18/3/2015 hơn 02 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huyền được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Huyền, anh Tiến khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Huyền phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Huyền.***

- ***Về tình cảm:*** Cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được ly hôn với anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến.

- ***Về con chung:*** Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được nuôi dưỡng con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015. Chị Huyền không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến, ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga có nghĩa vụ giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- ***Về án phí HNST:***

Chị Nguyễn Thị Thu Huyền phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 34889 ngày 13/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị Huyền đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tửu kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đường sự (để thi hành);
- UBND xã Anh Thạnh Thủy;.
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình